

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2021/DS-PT

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Hiền Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2021/QĐ-PT ngày 08/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/Q§-PT ngày 26/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/Q§-PT ngày 26/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công Tr, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm L, thôn S, thị trấn L, huyện D, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1968 và bà Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1970; đều có địa chỉ: Số nhà 15C, phố B, phường T, thành phố L, tỉnh Hà Nam (nơi ĐKKTT của ông B: Thôn M, xã T, thành phố L, tỉnh Hà Nam).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Trung Th, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 18, phường Ph, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Công Tr là nguyên đơn trong vụ.

Phiên tòa có mặt anh Tr, các đương sự khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai của nguyên đơn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/3/2014, anh mua của Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y một chiếc xe ô tô loại 07 chỗ, nhãn hiệu KIA màu sơn bạc, biển kiểm soát 30K-83xx, giấy đăng ký xe mang tên Trần Gia Th với giá tiền 285.000.000đ, anh đã trả trước

cho ông B, bà Y 170.000.000đ và thỏa thuận khi nào ông B hoàn thiện đầy đủ thủ tục giấy tờ xe thì anh sẽ giao nốt số tiền mua xe còn lại. Các bên có viết giấy mua bán xe và giấy biên nhận đã giao nhận số tiền 170.000.000đ cho nhau. Khi mang xe về sử dụng, anh phát hiện giấy tờ và biển số của chiếc xe ô tô đều là giả mạo nên đã thông báo cho ông B, bà Y biết và có yêu cầu được trả lại chiếc xe nhưng ông B, bà Y không chấp nhận và không hợp tác, do đó anh đã làm đơn trình báo và mang chiếc xe ô tô giao nộp cho Công an thành phố L để giải quyết theo quy định của pháp luật. Sau đó, anh được Công an thành phố L thông báo chiếc xe là tang vật của vụ án hình sự, đã chuyển cho Công an tỉnh Thái Bình để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 03/5/2019, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Thái Bình có văn bản thông báo cho anh biết chiếc xe là vật chứng của vụ án hình sự đã bị thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đồng thời hướng dẫn anh khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Nay anh khởi kiện ông B và bà Y, yêu cầu trả lại cho anh số tiền mua xe đã nhận là 170.000.000đ. Anh không yêu cầu tính lãi đối với số tiền mua xe đã giao cho ông B, bà Y.

Bị đơn trong vụ án là Ông Nguyễn Thanh B khai, xác nhận: Năm 2014, ông có bán chiếc xe ô tô loại 07 chỗ cho Anh Nguyễn Công Tr với giá thỏa thuận là 245.000.000đ, do thời gian đã lâu nên ông không nhớ rõ nhãn hiệu, màu xe và biển kiểm soát của chiếc xe. Khi đó, anh Tr đã giao trước cho ông số tiền 170.000.000đ, hẹn mấy ngày sau sẽ giao nốt số tiền còn lại nên ông đã giao xe và toàn bộ giấy tờ xe cho anh Tr sử dụng. Các bên có làm giấy mua bán xe theo mẫu anh Tr mang đến và viết giấy biên nhận đã giao nhận số tiền 170.000.000đ cho nhau. Sau đó, anh Tr có thông báo cho ông biết chiếc xe có giấy tờ và biển số là giả mạo nên ông có bảo anh Tr để từ từ cùng nhau giải quyết nhưng anh Tr không đồng ý, lại mang chiếc xe giao nộp cho Công an thành phố L. Ông khẳng định không biết chiếc xe ô tô đã bán cho anh Tr có nguồn gốc không hợp pháp vì đó là chiếc xe ông mua lại của người khác có đầy đủ giấy tờ và biển kiểm soát. Ông xác định việc mua bán xe ô tô nêu trên là giao dịch cá nhân giữa ông và anh Tr không liên quan đến bà Y, số tiền bán xe nhận của anh Tr ông đã quản lý, sử dụng toàn bộ. Nay anh Tr khởi kiện, đòi lại tiền mua xe ô tô đã giao cho ông trước đây thì ông không chấp nhận mà có quan điểm khi nào anh Tr trả lại cho ông chiếc xe ô tô thì ông mới chấp nhận trả lại số tiền bán xe đã nhận của anh Tr.

Bà Vũ Thị Hải Y trình bày: Bà có chứng kiến việc Ông Nguyễn Thanh B trước đây sở hữu một chiếc xe ô tô, sau đó đem bán lại cho Anh Nguyễn Công Tr như các bên trình bày, do thời gian đã quá lâu nên bà không nhớ rõ thời điểm bán xe, nhãn hiệu, màu sơn và biển số chiếc xe. Bà không biết gì về nguồn gốc cũng như nội dung các bên thỏa thuận mua, bán chiếc xe, chỉ xác nhận về việc có kiểm đếm hộ tiền bán xe cho ông B và ký vào một số giấy tờ liên quan đến việc mua bán xe, số tiền bán xe đã nhận của anh Tr do ông B là người quản lý, sử dụng toàn bộ. Nay anh Tr khởi kiện đòi lại bà tiền mua xe đã giao trước đây, bà xác định

không liên quan gì đến việc mua, bán xe ô tô giữa anh Tr và ông B nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của anh Tr. Bà cũng xác định về việc đã ly hôn ông B từ năm 2016 nên các bên không còn trách nhiệm gì liên quan đến nhau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Anh Đỗ Trung Th trình bày: Chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA loại 07 chỗ, sơn màu bạc, biển kiểm soát 30K-83xx là của anh mua lại từ ông Phạm Văn Ch có địa chỉ tại thành phố Hà Nội vào thời điểm tháng 06/2012 nhưng chưa làm thủ tục sang tên, đăng ký đổi chủ sở hữu. Do quá trình sử dụng, chiếc xe này bị kẻ gian lấy trộm sau đó được tìm thấy nên ngày 30/11/2014 anh được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình bàn giao lại để quản lý, sử dụng. Anh xác định không quen biết và không thực hiện giao dịch dân sự mua bán tài sản nào với Anh Nguyễn Công Tr, Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y nên không có liên quan gì đến tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án. Anh đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Từ những nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố L quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 122, 127, 128, 137, 410, 428, 429 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 157 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xác định giao dịch dân sự thông qua hợp đồng mua bán xe ô tô theo Giấy mua bán xe ngày 01/3/2014 giữa Anh Nguyễn Công Tr và Ông Nguyễn Thanh B là vô hiệu toàn bộ.

Xác định Ông Nguyễn Thanh B là người phải chịu trách nhiệm trong việc thanh toán, trả lại số tiền mua bán xe ô tô đã nhận của Anh Nguyễn Công Tr.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Công Tr: Buộc Ông Nguyễn Thanh B phải thanh toán, trả lại cho anh Tr toàn bộ số tiền bán xe đã nhận của anh Tr là 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 11/12/2020, Anh Nguyễn Công Tr là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hợp

đồng mua bán xe ô tô ngày 01/3/2014 giữa anh và ông B, bà Y là vô hiệu và buộc Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y phải trả lại cho anh số tiền 170.000.000 đồng, trong đó ông B và bà Y mỗi người phải trả anh 85.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Anh Nguyễn Công Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Công Tr; sửa nội dung bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, cụ thể: Thay đổi quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi tiền mua, bán xe ô tô” sang “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” và áp dụng căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án là Bộ luật dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án phát sinh từ giao dịch dân sự thông qua hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại phường Tr, thành phố L, tỉnh Hà Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp đòi tiền mua, bán xe ô tô” là chưa chính xác mà phải xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán xe ô tô”.

Đơn kháng cáo của Anh Nguyễn Công Tr trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của Anh Nguyễn Công Tr đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử, sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 01/3/2014 giữa anh và Ông Nguyễn Thanh B, bà Vũ Thị Hải Y là vô hiệu, buộc ông B và bà Y phải trả lại cho anh số tiền 170.000.000 đồng (ông B và bà Y mỗi người trả 85.000.000 đồng), thấy:

Ngày 01/3/2014, Anh Nguyễn Công Tr và Ông Nguyễn Thanh B, bà Vũ Thị Hải Y (là vợ chồng) xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng mua bán xe ô tô, nội dung được thể hiện như sau: “Hôm nay ngày 01/3/2014 tại nhà ông B, bên bán: Ông Nguyễn Thanh B, hộ khẩu thường trú tại Tiên Tân - Duy Tiên - Hà Nam, đc: phường Tr, thành phố L, Hà Nam; bên mua: Ông Nguyễn Công Tr, hộ khẩu thường trú tại: Xóm L - thôn S - thị trấn L - D - Bắc Ninh; chúng tôi tự nguyện cùng nhau làm giấy này để thực hiện việc mua và bán xe với những nội dung hai bên đã thỏa thuận: Bên bán đồng ý bán đứt cho bên mua chiếc xe ô tô có đặc điểm: Biển số 30K-83xx, nhãn hiệu KIA, số máy 51269xx, số khung 0003xx, màu sơn bạc, đăng ký đứng tên Trần Gia Th...”, anh Tr đã trả trước cho ông B, bà Y

170.000.000đ và thỏa thuận khi nào ông B hoàn thiện đầy đủ thủ tục giấy tờ xe thì anh sẽ giao nốt số tiền mua xe còn lại. Anh Nguyễn Công Tr và vợ chồng Ông Nguyễn Thanh B, bà Vũ Thị Hải Y đã ký nhận vào giấy mua, bán xe và giấy biên nhận số tiền 170.000.000đ (các bên đã giao xe, giao tiền cho nhau) (BL08, 72). Sau khi anh Tr mang xe về sử dụng thì phát hiện giấy tờ xe, biển số xe là giả và là vật chứng của vụ án hình sự, do hai bên không thống nhất được với nhau về việc trả lại tiền mua, bán xe nên anh Tr đã khởi kiện ông B, bà Y trả lại cho anh số tiền đã nhận là 170.000.000đ.

Như vậy có thể xác định ngày 01/03/2014 giữa Anh Nguyễn Công Tr và Ông Nguyễn Thanh B, bà Vũ Thị Hải Y (là vợ chồng) xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng mua bán xe ô tô BKS 30K-83xx và đã giao xe, giao tiền (170.000.000đ) cho nhau. Do tại thời điểm các bên xác lập giao dịch dân sự (hợp đồng mua bán xe ô tô) thì nội dung và hình thức của hợp đồng không trái quy định tại các Điều 121 (quy định thời điểm phát sinh giao dịch dân sự), 118, 122, 123, 124 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên do xe ô tô BKS 30K-83xx là vật chứng của vụ án hình sự, ông B khi mua không biết nên bán cho anh Tr; anh Tr khởi kiện (Ngày 03/07/2019 anh Tr khởi kiện, ông B, bà Y đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng được quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình) yêu cầu ông B, bà Y phải trả số tiền 170.000.000đ và không yêu cầu bồi thường. Do đó, hợp đồng mua bán xe ô tô giữa anh Tr và vợ chồng ông B bị vô hiệu (Điều 128 Bộ luật dân sự 2005) sẽ không làm phát sinh, thay đổi quyền nghĩa vụ dân sự kể từ thời điểm xác lập ngày 01/03/2014 phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và phải bồi thường nếu có lỗi theo quy định tại các Điều 127, 128, 428, 429 Bộ luật dân sự 2005.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giao dịch dân sự là hợp đồng mua bán xe ô tô giữa các đương sự là vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tr là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Y không phải thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch dân sự do vợ chồng xác lập (Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình) là chưa đảm bảo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, khi thực hiện giao dịch dân sự (Hợp đồng mua bán xe ô tô, giấy biên nhận tiền) tại mục người bán có ghi chữ ký và họ tên của ông B, bà Y, các đương sự đều thừa nhận chữ ký trong hợp đồng, giấy biên nhận tiền và đã thực hiện giao dịch mua bán xe ô tô. Như vậy bà Y đã xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng mua bán xe ô tô và nhận tiền theo quy định tại Điều 121 Bộ luật dân sự 2005. Mặt khác, tại thời điểm ông B, bà Y xác lập hợp đồng mua bán xe ô tô, ông bà đang là vợ chồng (01/3/2014), đến năm 2016 ông bà mới ly hôn và chưa giải quyết về nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Bà Y cho rằng bà chỉ là người chứng kiến, kiểm đếm hộ tiền bán xe cho ông B; số tiền bán xe 170.000.000 đồng đã nhận từ anh Tr, ông B là người quản lý, sử dụng nên bà Y không liên quan đến việc mua, bán xe giữa ông B và anh Tr. Nhưng tại mục 2 giấy mua, bán xe có ghi: “Có sự chứng kiến của (2):...” không ghi người chứng kiến là ai, mà chỉ mục bên bán

có chữ ký và họ tên của bà Y (BL số 08); Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/03/2014 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố L, tỉnh Hà Nam, bà Y trình bày: “Xuất phát từ gia đình tôi có một chiếc xe ô tô con nhãn hiệu KIA BKS 30K-83xx do chồng tôi (anh B) mua ngày 18/01/2014 để kinh doanh cho thuê xe tự lái...” (BL101). Việc ông B xác định số tiền 170.000.000đ đã xác lập giao dịch mua bán xe ô tô với anh Tr, ông B nhận trách nhiệm trả, bà Y không phải trả nhưng việc này không được ông Trung nhất trí. Vì vậy, bà Y phải cùng chịu trách nhiệm với ông B trả cho anh Tr số tiền 170.000.000 đồng (mỗi người trả anh Tr 85.000.000 đồng) về việc mua bán xe ô tô. Do đó kháng cáo của Anh Nguyễn Công Tr là có cơ sở được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y mỗi người phải nộp 4.250.000đ. Anh Nguyễn Công Tr được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.250.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002224 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Hà Nam.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh Tr được Tòa án chấp nhận nên anh Tr không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc buộc Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y phải trả lại cho anh Tr số tiền 170.000.000 đồng (ông B và bà Y mỗi người trả 85.000.000 đồng). Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 30/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 121, Điều 122, 127, 128, 137, 410, 428, 429, 438 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 157 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xác định giao dịch dân sự thông qua hợp đồng mua bán xe ô tô theo Giấy mua, bán xe ngày 01/3/2014 giữa Anh Nguyễn Công Tr và Ông Nguyễn Thanh B là vô hiệu toàn bộ.

Xác định Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y là người phải chịu trách nhiệm trong việc thanh toán, trả lại số tiền mua bán xe ô tô đã nhận của Anh Nguyễn Công Tr.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Công Tr: Buộc Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y phải thanh toán, trả lại cho anh Tr số tiền bán xe đã nhận của anh Tr là 170.000.000 đồng (ông B và bà Y mỗi người trả anh Tr 85.000.000 đồng).

2. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

3. Án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh B và bà Vũ Thị Hải Y mỗi người phải nộp 4.250.000đ. Anh Nguyễn Công Tr được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.250.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0002224 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Hà Nam.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Công Tr không phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm. Anh Tr được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004700 ngày 21/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Hà Nam.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam;
- Tòa án nhân dân thành phố L;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- UBND phường Tr, thành phố L;
- UBND xã Tiên Tân, thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Việt Hà